

QUYẾT ĐỊNH
Về việc Công nhận và cấp bằng tốt nghiệp
Đại học hệ Liên thông, Vừa làm vừa học, Văn bằng 2 đợt II năm 2018

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC

Căn cứ Quyết định số 36/QĐ-BGDĐT, ngày 28/6/2007 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT về việc ban hành Quy chế đào tạo đại học, cao đẳng hình thức vừa làm vừa học;

Căn cứ Quy định đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ (theo QĐ số 234/QĐ-ĐHHĐ, ngày 26/2/2013, 2042/QĐ-ĐHHĐ, ngày 05/11/2014); Quy chế tuyển sinh và tổ chức đào tạo liên thông trình độ đại học (theo QĐ số 668/QĐ-ĐHHĐ, ngày 29/4/2016); Căn cứ quy định đào tạo vừa làm vừa học trình độ đại học (theo QĐ số 2004/QĐ-ĐHHĐ, ngày 03/11/2017); Căn cứ Quy định liên thông giữa trình độ TC, trình độ CĐ, với trình độ ĐH (theo QĐ số 2105/QĐ-ĐHHĐ, ngày 14/11/2017) của Trường Đại học Hồng Đức;

Căn cứ Quyết định 709/QĐ-ĐHHĐ ngày 12/5/2015 của Hiệu trưởng về việc phê duyệt Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Hồng Đức;

Căn cứ kết quả học tập của sinh viên; Biên bản của Hội đồng tốt nghiệp hệ LT, VLVH, VB2 đợt 2 năm 2018 ngày 20 tháng 12 năm 2018;

Theo đề nghị của Giám đốc Trung tâm Giáo dục thường xuyên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận và cấp bằng tốt nghiệp trình độ đại học hệ liên thông, vừa làm vừa học, văn bằng 2 đợt 2 năm 2018 cho 417 sinh viên. Trong đó, tốt nghiệp đào tạo theo hình thức chính quy: 103 sinh viên (LT từ CĐ: 47 sinh viên, LT từ TC: 56 sinh viên); tốt nghiệp đào tạo theo hình thức vừa làm vừa học: 314 sinh viên (từ THPT: 124 sinh viên, VB2: 35 sinh viên, LT từ CĐ: 46 sinh viên, LT từ TC: 109 sinh viên) (Có danh sách sinh viên tốt nghiệp kèm theo).

Điều 2. Sinh viên có tên ở Điều 1 và các ông (bà) Giám đốc Trung tâm GDTX, Trưởng phòng QLĐT, Công tác HSSV, Trưởng các khoa đào tạo và đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /s/

Nơi nhận:

- Như điều 2;
- Lưu: VT, GDTX. /s/

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Hoàng Nam

BẢNG SỐ LIỆU

Các ngành, hệ đào tạo được công nhận tốt nghiệp

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 2231/QĐ-ĐHHD, ngày 24 tháng 12 năm 2018,
của Hiệu trưởng Trường Đại học Hồng Đức)

TT	Bậc, ngành, hệ đào tạo	Số lượng sinh viên
	A. Hệ liên thông theo hình thức chính quy	103
	I. Liên thông từ cao đẳng	47
1	Đại học Kế toán	1
2	ĐHGD Tiểu học	1
3	ĐHGD Thể chất	25
4	ĐHGD Mầm non	20
	II. Liên thông từ Trung cấp	56
5	ĐH Chăn nuôi - Thú y	24
6	ĐHGD Mầm non	32
	B. Đào tạo theo hình thức vừa làm vừa học	314
	I. Đào tạo từ THPT	124
7	ĐH Kế toán	12
8	ĐH Quản trị kinh doanh	3
9	ĐH Nông học	108
10	ĐH Xã hội học	1
	II. Văn bằng đại học thứ 2	35
11	ĐH Kế toán	10
12	ĐHSP Tiếng Anh	25
	III. Liên thông từ Cao đẳng	46
13	ĐHGD Mầm non	24
14	ĐHSP Tiếng Anh	6
15	ĐH Nông học	8
16	ĐH Kế toán	3
17	ĐHSP Toán	4
18	ĐHSP Hóa	1
	IV. Liên thông từ Trung cấp	109
19	ĐHGD Mầm non	95
20	ĐH Kế toán	14
	Tổng:	417

(Ấn định danh sách gồm 417 sinh viên tốt nghiệp)

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Hoàng Nam

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP ĐỢT II NĂM 2018

Hệ: Liên thông, Vừa làm vừa học, Văn bằng 2

(Kèm theo QĐ số 2231 /QĐ-ĐHHĐ, ngày 24 tháng 12 năm 2018, của Hiệu trưởng Trường ĐHHĐ)

TT	TTN	Họ lót	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Điểm TBC (Hệ 10)	Điểm TBC (Hệ 4)	Xếp loại	Ghi chú
A		Hình thức Chính quy								
	I	Liên thông Cao đẳng								
	1	Đại học Kế toán: K4B								
1	1	Hoàng Thị Phương	Lan	21.07.89	Nữ	Thanh Hóa	6.27		TB Khá	
	2	Đại học Giáo dục Tiểu học: K20A2								
2	1	Phạm Thị	Hoa	25.03.81	Nữ	Thanh Hóa	7.37	3.05	Khá	
	3	Đại học Giáo dục Thể chất K19B, K20A								
3	1	Lê Việt	Anh	12.03.81	Nam	Thanh Hóa	7.79	3.27	Giỏi	
4	2	Chu Văn	Ánh	07.02.91	Nam	Thanh Hóa	7.71	3.20	Giỏi	
5	3	Lê Mạnh	Cường	30.07.83	Nam	Thanh Hóa	7.78	3.29	Giỏi	
6	4	Nguyễn Hữu	Cường	16.08.85	Nam	Thanh Hóa	7.51	3.12	Khá	
7	5	Nguyễn Ngọc	Dự	19.06.82	Nam	Thanh Hóa	7.07	2.88	Khá	
8	6	Hà Văn	Dũng	21.10.89	Nam	Thanh Hóa	7.79	3.29	Giỏi	
9	7	Phạm Thị Ngọc	Hà	02.12.81	Nữ	Thanh Hóa	8.28	3.55	Giỏi	
10	8	Khuong Thị	Huế	18.08.81	Nữ	Thanh Hóa	7.59	3.08	Khá	
11	9	Nguyễn Thị	Hương	08.09.79	Nữ	Thanh Hóa	7.73	3.26	Giỏi	
12	10	Nguyễn Thị	Hường	02.12.88	Nữ	Thanh Hóa	7.76	3.28	Giỏi	
13	11	Nguyễn Như	Khánh	02.12.79	Nam	Thanh Hóa	7.60	3.17	Khá	
14	12	Đỗ Thị	Khuyến	06.02.94	Nữ	Thanh Hóa	7.69	3.23	Giỏi	
15	13	Nguyễn Thị	Lan	06.06.81	Nữ	Thanh Hóa	7.57	3.15	Khá	
16	14	Hoàng Văn	Luận	05.06.83	Nam	Thanh Hóa	7.25	2.94	Khá	
17	15	Lang Văn	Nhường	02.10.82	Nam	Thanh Hóa	7.31	2.97	Khá	
18	16	Hà Nam	Ninh	28.11.82	Nam	Thanh Hóa	7.46	3.09	Khá	
19	17	Lê Thị	Quyên	05.09.87	Nữ	Thanh Hóa	8.15	3.55	Giỏi	
20	18	Lương Văn	Sách	19.05.83	Nam	Thanh Hóa	7.83	3.35	Giỏi	
21	19	Trịnh Văn	Sáng	20.01.81	Nam	Thanh Hóa	7.33	3.06	Khá	
22	20	Tào Quang	Thuân	10.02.85	Nam	Thanh Hóa	7.69	3.22	Giỏi	
23	21	Chu Thị	Thủy	25.05.80	Nữ	Thanh Hóa	7.44	3.05	Khá	
24	22	Lê Đăng	Trường	15.08.91	Nam	Thanh Hóa	8.10	3.49	Giỏi	
25	23	Hoàng Văn	Tùng	04.12.87	Nam	Thanh Hóa	7.65	3.17	Khá	
26	24	Trần Thị	Vân	28.08.90	Nữ	Ninh Bình	7.93	3.40	Giỏi	
27	25	Hà Thị	Vân	14.10.88	Nữ	Thanh Hóa	7.31	2.98	Khá	
	4	Đại học Giáo dục Mầm non K19A,B								
28	1	Bùi Thị Vân	Anh	12.12.91	Nữ	Thanh Hóa	8.11	3.52	Giỏi	
29	2	Nguyễn Thị Kim	Anh	24.10.93	Nữ	Thanh Hóa	8.12	3.50	Giỏi	
30	3	Nguyễn Thị Quỳnh	Anh	23.08.90	Nữ	Thanh Hóa	8.38	3.64	Xuất sắc	
31	4	Vũ Thị Lan	Anh	20.08.93	Nữ	Thanh Hóa	8.10	3.50	Giỏi	
32	5	Nguyễn Thị	Đệ	21.06.85	Nữ	Thanh Hóa	8.36	3.62	Xuất sắc	
33	6	Lê Thị	Giang	28.07.92	Nữ	Thanh Hóa	7.74	3.32	Giỏi	
34	7	Nguyễn Thị	Hào	18.02.92	Nữ	Yên Bái	7.71	3.27	Giỏi	
35	8	Trịnh Thị	Hương	01.01.93	Nữ	Thanh Hóa	7.60	3.19	Khá	

le y

36	9	Lương Thị Huyền	18.06.87	Nữ	Thanh Hóa	7.80	3.37	Giỏi
37	10	Mai Thị Nhung	24.11.92	Nữ	Thanh Hóa	8.34	3.58	Giỏi
38	11	Lê Hồng Nhung	11.02.93	Nữ	Thanh Hóa	7.86	3.38	Giỏi
39	12	Vũ Thị Oanh	30.08.89	Nữ	Thanh Hóa	7.50	3.22	Giỏi
40	13	Trịnh Thùy Phương	16.09.86	Nữ	Thanh Hóa	7.86	3.36	Giỏi
41	14	Lê Thị Quyên	07.03.87	Nữ	Thanh Hóa	7.67	3.20	Giỏi
42	15	Lê Thị Phương Thảo	29.06.94	Nữ	Thanh Hóa	7.90	3.37	Giỏi
43	16	Đào Thị Nguyệt Thương	03.04.84	Nữ	Thanh Hóa	8.57	3.70	Xuất sắc
44	17	Phạm Thu Thủy	20.07.93	Nữ	Thanh Hóa	8.01	3.43	Giỏi
45	18	Hoàng Thị Trang	20.11.93	Nữ	Thanh Hóa	7.87	3.32	Giỏi
46	19	Trần Thị Vân	06.07.94	Nữ	Thanh Hóa	7.64	3.23	Giỏi
47	20	Phạm Thị Vui	10.05.87	Nữ	Thanh Hóa	7.93	3.44	Giỏi
II Liên thông trung cấp								
1 Đại học Chăn nuôi thú y: K18B								
48	1	Lê Văn Chuyên	27.04.82	Nam	Thanh Hóa	6.98	2.82	Khá
49	2	Lê Quang Đại	05.10.87	Nam	Thanh Hóa	6.92	2.71	Khá
50	3	Lê Minh Đức	06.03.91	Nữ	Thanh Hóa	6.93	2.74	Khá
51	4	Nguyễn Thị Dung	03.08.88	Nữ	Thanh Hóa	7.23	2.93	Khá
52	5	Nguyễn Thị Gấm	15.12.92	Nữ	Thanh Hóa	7.56	3.17	Khá
53	6	Lê Văn Hào	10.07.94	Nam	Thanh Hóa	6.86	2.69	Khá
54	7	Nguyễn Trung Hiếu	15.12.85	Nam	Thanh Hóa	6.92	2.70	Khá
55	8	Trịnh Thị Hường	06.11.83	Nữ	Thanh Hóa	7.51	3.23	Giỏi
56	9	Đinh Xuân Hữu	26.05.88	Nam	Thanh Hóa	6.66	2.63	Khá
57	10	Hà Văn Huy	13.08.84	Nam	Thanh Hóa	6.55	2.42	Trung bình
58	11	Lương Ngọc Lai	17.05.89	Nam	Thanh Hóa	7.66	3.37	Giỏi
59	12	Vũ Văn Phú	11.07.94	Nam	Thanh Hóa	6.91	2.77	Khá
60	13	Lò Văn Phương	01.02.88	Nam	Thanh Hóa	6.83	2.69	Khá
61	14	Thao Dính Pó	12.06.75	Nam	Thanh Hóa	6.23	2.16	Trung bình
62	15	Phạm Ngọc Quyết	20.10.94	Nam	Thanh Hóa	7.02	2.81	Khá
63	16	Nguyễn Văn Quỳnh	12.08.91	Nam	Thanh Hóa	6.69	2.54	Khá
64	17	Lương Văn Tểu	01.01.85	Nam	Thanh Hóa	6.43	2.38	Trung bình
65	18	Lê Văn Thanh	08.07.88	Nam	Thanh Hóa	6.68	2.60	Khá
66	19	Bùi Thị Thủy	04.05.90	Nữ	Thanh Hóa	6.81	2.70	Khá
67	20	Trần Thị Thủy	24.01.93	Nữ	Thanh Hóa	7.16	2.97	Khá
68	21	Lê Văn Toàn	21.03.95	Nam	Thanh Hóa	7.03	2.81	Khá
69	22	Nguyễn Xuân Toàn	18.01.86	Nam	Thanh Hóa	6.83	2.72	Khá
70	23	Trần Duy Vui	02.06.92	Nam	Thanh Hóa	7.26	3.11	Khá
71	24	Lê Văn Vương	19.06.92	Nam	Thanh Hóa	7.04	2.91	Khá
2 Đại học Giáo dục Mầm non K19A								
72	1	Hoàng Thị Phương Anh	12.09.90	Nữ	Thanh Hóa	7.79	3.35	Giỏi
73	2	Nguyễn Thị Ngọc Anh	15.06.93	Nữ	Thanh Hóa	7.42	3.15	Khá
74	3	Nguyễn Thị Bích	09.06.86	Nữ	Thanh Hóa	8.00	3.42	Giỏi
75	4	Nguyễn Thị Bưởi	06.04.95	Nữ	Thanh Hóa	7.68	3.23	Giỏi
76	5	Hà Thị Dung	10.06.94	Nữ	Thanh Hóa	7.91	3.40	Giỏi
77	6	Trần Thị Hằng	19.05.83	Nữ	Thanh Hóa	7.54	3.21	Giỏi
78	7	Vũ Thị Hoa	11.06.92	Nữ	Thanh Hóa	7.88	3.37	Giỏi
79	8	Lê Thị Hoa	16.12.92	Nữ	Thanh Hóa	7.73	3.31	Giỏi
80	9	Lê Thị Hồng	11.06.95	Nữ	Thanh Hóa	7.77	3.31	Giỏi
81	10	Phạm Thị Hồng	31.12.96	Nữ	Thanh Hóa	7.52	3.16	Khá
82	11	Trịnh Thị Huế	08.01.87	Nữ	Thanh Hóa	7.33	3.03	Khá
83	12	Hoàng Lan Hương	19.07.89	Nữ	Thanh Hóa	7.82	3.34	Giỏi
84	13	Nguyễn Thị Hương	23.02.80	Nữ	Thanh Hóa	7.79	3.35	Giỏi
85	14	Nguyễn Thanh Huyền	19.08.95	Nữ	Thanh Hóa	7.98	3.43	Giỏi

86	15	Hoàng Thị	Lân	07.02.90	Nữ	Thanh Hóa	7.56	3.17	Khá	
87	16	Lê Thị	Linh	07.02.95	Nữ	Thanh Hóa	7.76	3.37	Giỏi	
88	17	Vũ Thị	Loan	24.04.86	Nữ	Thanh Hóa	8.07	3.47	Giỏi	
89	18	Vũ Thị	Minh	10.01.91	Nữ	Thanh Hóa	7.90	3.44	Giỏi	
90	19	Ngô Thị	Nga	03.11.95	Nữ	Thanh Hóa	7.87	3.36	Giỏi	
91	20	Mai Thị	Nguyệt	30.08.95	Nữ	Thanh Hóa	7.54	3.19	Khá	
92	21	Đàm Thị	Niên	25.12.93	Nữ	Thanh Hóa	7.53	3.19	Khá	
93	22	Lê Thị	Thanh	18.06.93	Nữ	Thanh Hóa	7.57	3.24	Giỏi	
94	23	Hoàng Thị	Thành	10.06.88	Nữ	Thanh Hóa	7.79	3.30	Giỏi	
95	24	Nguyễn Thị	Thảo	01.01.95	Nữ	Thanh Hóa	7.56	3.23	Giỏi	
96	25	Nguyễn Thị	Thoa	18.07.93	Nữ	Thanh Hóa	7.64	3.24	Giỏi	
97	26	Phan Thị	Thủy	25.05.87	Nữ	Thanh Hóa	7.70	3.27	Giỏi	
98	27	Dương Thị	Toàn	02.04.93	Nữ	Thanh Hóa	7.81	3.33	Giỏi	
99	28	Lê Thị	Trang	22.08.95	Nữ	Thanh Hóa	7.61	3.26	Giỏi	
100	29	Vũ Thị	Tươi	20.06.82	Nữ	Thanh Hóa	7.64	3.29	Giỏi	
101	30	Nguyễn Thị	Vân	05.11.93	Nữ	Thanh Hóa	7.94	3.38	Giỏi	
102	31	Trần Thị	Vân	10.04.93	Nữ	Thanh Hóa	8.15	3.51	Giỏi	
103	32	Nguyễn Thị	Vân	22.02.86	Nữ	Thanh Hóa	7.44	3.10	Khá	
B Hình thức Vừa làm vừa học										
	I	Từ Trung học phổ thông								
	1	Đại học Kế toán: K17A, K16B								
104	1	Trần Thị Lan	Anh	17.07.89	Nữ	Thanh Hóa	6.95		TB Khá	
105	2	Nguyễn Thị	Cúc	27.01.84	Nữ	Thanh Hóa	6.98		TB Khá	
106	3	Đỗ Thị	Dung	28.06.89	Nữ	Thanh Hóa	6.94		TB Khá	
107	4	Lê Thanh	Hoa	27.08.89	Nữ	Thanh Hóa	6.98		TB Khá	
108	5	Mai Thị Hồng	Hoa	20.12.90	Nữ	Thanh Hóa	6.97		TB Khá	
109	6	Lê Thị	Loan	20.05.89	Nữ	Thanh Hóa	6.68		TB Khá	
110	7	Lưu Thị	Luận	20.04.87	Nữ	Thanh Hóa	6.80		TB Khá	
111	8	Hoàng Thị	Tâm	16.11.80	Nữ	Thanh Hóa	7.12		Khá	
112	9	Ngô Anh	Toàn	30.06.90	Nam	Thanh Hóa	6.50		TB Khá	
113	10	Lê Anh	Tuấn	04.05.84	Nam	Thanh Hóa	7.02		Khá	
114	11	Nguyễn Thị	Vân	13.02.82	Nữ	Thanh Hóa	6.72		TB Khá	
115	12	Nguyễn Thị	Vui	28.03.89	Nữ	Thanh Hóa	7.09		Khá	
	2	Đại học Quản trị kinh doanh: K17A								
116	1	Trần Văn	Đông	20.06.87	Nam	Thanh Hóa	6.58		TB Khá	
117	2	Nguyễn Hữu	Hà	22.12.71	Nam	Thanh Hóa	6.84		TB Khá	
118	3	Lữ Thanh	Hòa	18.03.75	Nam	Thanh Hóa	7.15		Khá	
	3	Đại học Nông học: K17A								
119	1	Phạm Văn	An	20.05.85	Nam	Thanh Hóa	7.10		Khá	
120	2	Trình Văn	An	17.09.79	Nam	Thanh Hóa	7.26		Khá	
121	3	Phạm Văn	Anh	24.10.79	Nam	Thanh Hóa	6.86		TB Khá	
122	4	Lê Thế	Anh	20.02.90	Nam	Thanh Hóa	7.19		Khá	
123	5	Dương Thị	Ánh	14.01.85	Nữ	Hà Nội	7.41		Khá	
124	6	Phạm Văn	Bách	06.07.86	Nam	Thanh Hóa	7.09		Khá	
125	7	Nguyễn Hữu	Bảo	10.03.68	Nam	Thanh Hóa	6.85		TB Khá	
126	8	Trương Công	Biên	03.07.65	Nam	Thanh Hóa	6.88		TB Khá	
127	9	Phạm Thị	Bình	02.09.80	Nữ	Thanh Hóa	7.00		Khá	
128	10	Nguyễn Đình	Cầm	15.10.78	Nam	Thanh Hóa	6.86		TB Khá	
129	11	Phạm Văn	Cần	17.07.81	Nam	Thanh Hóa	7.06		Khá	
130	12	Phạm Thị	Châu	02.02.72	Nữ	Thanh Hóa	7.20		Khá	
131	13	Phạm Thị	Châu	16.10.79	Nữ	Thanh Hóa	7.36		Khá	
132	14	Bùi Văn	Chí	08.10.79	Nam	Thanh Hóa	7.03		Khá	
133	15	Phạm Văn	Chung	10.09.87	Nam	Thanh Hóa	7.09		Khá	

134	16	Phạm Văn	Chung	21.09.70	Nam	Thanh Hóa	6.86		TB Khá	
135	17	Nguyễn Văn	Chung	23.03.79	Nam	Thanh Hóa	7.22		Khá	
136	18	Hà Văn	Cường	24.10.77	Nam	Thanh Hóa	7.14		Khá	
137	19	Bùi Văn	Cường	14.01.76	Nam	Thanh Hóa	6.93		TB Khá	
138	20	Quách Văn	Đại	20.08.87	Nam	Thanh Hóa	7.11		Khá	
139	21	Nguyễn Thị	Đào	21.01.82	Nữ	Thanh Hóa	7.39		Khá	
140	22	Bùi Văn	Đạt	19.05.78	Nam	Thanh Hóa	7.17		Khá	
141	23	Phạm Văn	Điện	19.05.84	Nam	Thanh Hóa	6.93		TB Khá	
142	24	Lê Văn	Diệp	10.11.83	Nam	Thanh Hóa	7.00		Khá	
143	25	Phạm Thị	Diệu	05.06.86	Nữ	Thanh Hóa	7.29		Khá	
144	26	Lưu Thị	Điều	05.06.77	Nữ	Thanh Hóa	6.92		TB Khá	
145	27	Nguyễn Văn	Đoàn	06.06.71	Nam	Thanh Hóa	6.80		TB Khá	
146	28	Lê Bá	Đông	19.08.80	Nam	Thanh Hóa	7.23		Khá	
147	29	Lê Thị	Đông	22.10.81	Nữ	Thanh Hóa	7.43		Khá	
148	30	Trương Thị	Dung	03.04.88	Nữ	Thanh Hóa	7.11		Khá	
149	31	Trịnh Ngọc	Dũng	06.10.64	Nam	Thanh Hóa	7.30		Khá	
150	32	Lê Đức	Dũng	24.07.77	Nam	Thanh Hóa	7.30		Khá	
151	33	Trịnh Ngọc	Giang	19.05.78	Nam	Thanh Hóa	6.98		TB Khá	
152	34	Phạm Văn	Hà	08.10.73	Nam	Thanh Hóa	6.80		TB Khá	
153	35	Phạm Văn	Hải	23.06.88	Nam	Thanh Hóa	7.11		Khá	
154	36	Bùi Văn	Hải	25.11.85	Nam	Thanh Hóa	6.90		TB Khá	
155	37	Lê Thị	Hằng	15.11.88	Nữ	Thanh Hóa	7.04		Khá	
156	38	Phạm Văn	Hiển	20.09.88	Nam	Thanh Hóa	7.54		Khá	
157	39	Lê Văn	Hiệp	05.10.83	Nam	Thanh Hóa	7.15		Khá	
158	40	Lê Thị	Hiếu	24.07.75	Nữ	Thanh Hóa	6.98		TB Khá	
159	41	Phạm Văn	Hòa	30.05.77	Nam	Thanh Hóa	7.03		Khá	
160	42	Lê Ngọc	Hoan	30.09.77	Nam	Thanh Hóa	7.49		Khá	
161	43	Phạm Văn	Hoàng	03.03.78	Nam	Thanh Hóa	6.63		TB Khá	
162	44	Bùi Văn	Hoạt	05.05.77	Nam	Thanh Hóa	7.11		Khá	
163	45	Trịnh Thị	Hồng	25.08.85	Nữ	Thanh Hóa	7.41		Khá	
164	46	Phạm Duy	Hùng	15.10.80	Nam	Thanh Hóa	7.25		Khá	
165	47	Phạm Thanh	Hùng	10.09.76	Nam	Thanh Hóa	7.17		Khá	
166	48	Trịnh Ngọc	Hùng	15.10.61	Nam	Thanh Hóa	6.96		TB Khá	
167	49	Phạm Thị	Hưng	21.04.80	Nữ	Thanh Hóa	7.16		Khá	
168	50	Phạm Văn	Hưng	09.12.83	Nam	Thanh Hóa	7.02		Khá	
169	51	Phạm Xuân	Hưng	14.08.81	Nam	Thanh Hóa	7.02		Khá	
170	52	Bùi Thị	Hương	04.09.87	Nữ	Thanh Hóa	7.39		Khá	
171	53	Phạm Ngọc	Huy	20.02.79	Nam	Thanh Hóa	7.20		Khá	
172	54	Phạm Văn	Huy	12.10.74	Nam	Thanh Hóa	6.78		TB Khá	
173	55	Bùi Thị	Huyền	02.06.81	Nữ	Thanh Hóa	6.96		TB Khá	
174	56	Hoàng Văn	Khang	21.09.82	Nam	Thanh Hóa	7.05		Khá	
175	57	Phạm Văn	Khánh	15.12.85	Nam	Thanh Hóa	6.83		TB Khá	
176	58	Nguyễn Trung	Kiên	04.04.80	Nam	Thanh Hóa	7.31		Khá	
177	59	Lê Thị Ngọc	Lan	10.04.84	Nữ	Thanh Hóa	7.20		Khá	
178	60	Quách Thị	Lê	01.11.84	Nữ	Thanh Hóa	7.39		Khá	
179	61	Phạm Văn	Loan	29.07.82	Nam	Thanh Hóa	6.85		TB Khá	
180	62	Nguyễn Văn	Long	24.05.61	Nam	Thanh Hóa	6.84		TB Khá	
181	63	Nguyễn Văn	Lực	08.09.68	Nam	Thanh Hóa	7.21		Khá	
182	64	Phạm Văn	Mạnh	18.03.83	Nam	Thanh Hóa	7.03		Khá	
183	65	Lê Phương	Nam	10.08.78	Nam	Thanh Hóa	6.94		TB Khá	
184	66	Lê Quý	Nam	24.02.78	Nam	Thanh Hóa	6.56		TB Khá	
185	67	Phạm Văn	Ngoan	27.10.75	Nam	Thanh Hóa	6.76		TB Khá	
186	68	Phạm Văn	Nguyễn	15.07.84	Nam	Thanh Hóa	6.60		TB Khá	

187	69	Ngân Thị	Nhất	20.10.84	Nữ	Thanh Hóa	6.99		TB Khá	
188	70	Phạm Văn	Nhuận	25.01.67	Nam	Thanh Hóa	7.05		Khá	
189	71	Đinh Thị	Nhung	03.10.87	Nữ	Thanh Hóa	7.28		Khá	
190	72	Lê Thị	Phượng	01.09.87	Nữ	Thanh Hóa	7.80		Khá	
191	73	Lê Văn	Quân	24.12.89	Nam	Thanh Hóa	7.12		Khá	
192	74	Quản Bá	Quân	07.07.78	Nam	Thanh Hóa	7.10		Khá	
193	75	Trần Minh	Quế	19.05.62	Nam	Thanh Hóa	7.10		Khá	
194	76	Dương Thị Tú	Quyên	26.04.83	Nữ	Thanh Hóa	7.44		Khá	
195	77	Phạm Văn	Quyên	03.03.81	Nam	Thanh Hóa	7.10		Khá	
196	78	Phạm Văn	Quỳnh	12.10.95	Nam	Thanh Hóa	6.91		TB Khá	
197	79	Trương Thị	Son	02.04.86	Nữ	Thanh Hóa	7.27		Khá	
198	80	Phạm Hữu	Tài	19.05.65	Nam	Thanh Hóa	7.10		Khá	
199	81	Trịnh Đạt	Tâm	10.12.63	Nam	Thanh Hóa	7.05		Khá	
200	82	Lê Hồng	Tấn	20.11.82	Nam	Thanh Hóa	6.43		TB Khá	
201	83	Bùi Thị	Thắm	14.05.73	Nữ	Thanh Hóa	7.01		Khá	
202	84	Bùi Văn	Thắng	25.02.67	Nam	Thanh Hóa	6.93		TB Khá	
203	85	Lê Quyết	Thắng	15.01.71	Nam	Thanh Hóa	7.00		Khá	
204	86	Phan Đình	Thắng	20.04.64	Nam	Thanh Hóa	6.59		TB Khá	
205	87	Phạm Văn	Thanh	02.02.76	Nam	Thanh Hóa	6.95		TB Khá	
206	88	Tổng Thị	Thanh	15.07.83	Nữ	Thanh Hóa	7.27		Khá	
207	89	Bùi Văn	Thảo	22.02.82	Nam	Thanh Hóa	6.97		TB Khá	
208	90	Phùng Thị	Thơ	16.11.85	Nữ	Thanh Hóa	7.62		Khá	
209	91	Lê Thị	Thơm	19.10.79	Nữ	Thanh Hóa	7.18		Khá	
210	92	Phạm Văn	Thống	06.12.67	Nam	Thanh Hóa	7.14		Khá	
211	93	Lê Thị	Thu	13.09.82	Nữ	Thanh Hóa	7.61		Khá	
212	94	Nguyễn Thị	Thu	02.10.81	Nữ	Thái Bình	7.28		Khá	
213	95	Lê Văn	Thuần	11.05.64	Nam	Thanh Hóa	7.36		Khá	
214	96	Hà Văn	Thương	10.01.85	Nam	Thanh Hóa	6.86		TB Khá	
215	97	Bùi Thị	Tiêm	20.09.78	Nữ	Thanh Hóa	7.14		Khá	
216	98	Lê Văn	Tòa	02.09.82	Nam	Thanh Hóa	7.44		Khá	
217	99	Lê Văn	Toán	31.12.82	Nam	Thanh Hóa	7.26		Khá	
218	100	Lê Văn	Toàn	05.06.83	Nam	Thanh Hóa	7.25		Khá	
219	101	Trịnh Văn	Tới	16.07.86	Nam	Thanh Hóa	7.36		Khá	
220	102	Bùi Thao	Trường	10.11.80	Nam	Thanh Hóa	6.96		TB Khá	
221	103	Dương Bá	Tuân	10.11.80	Nam	Thanh Hóa	7.24		Khá	
222	104	Bùi Minh	Tuấn	26.04.72	Nam	Thanh Hóa	6.85		TB Khá	
223	105	Ngô Trọng	Túc	02.02.61	Nam	Thanh Hóa	6.87		TB Khá	
224	106	Bùi Văn	Tùng	16.04.84	Nam	Thanh Hóa	6.93		TB Khá	
225	107	Phạm Văn	Vượng	10.10.67	Nam	Thanh Hóa	6.86		TB Khá	
226	108	Lê Thị	Xuân	29.06.89	Nữ	Thanh Hóa	7.46		Khá	
	4	Đại học xã hội học K16B								
227	1	Nguyễn Thế	Tuấn	23.05.83	Nam	Thanh Hóa	6.46		TB Khá	
	II	Văn bằng 2								
	1	Đại học Kế toán: K18B								
228	1	Lê Thị	Giang	30.09.89	Nữ	Thanh Hóa	7.15		Khá	
229	2	Nguyễn Thị	Hà	11.06.76	Nữ	Thanh Hóa	7.38		Khá	
230	3	Lê Thị Thu	Hương	20.04.84	Nữ	Thanh Hóa	7.08		Khá	
231	4	Vũ Thị	Huyền	20.10.80	Nữ	Hải Dương	7.1		Khá	
232	5	Lê Thị	Lương	12.08.88	Nữ	Thanh Hóa	7.02		Khá	
233	6	Nguyễn Thị	Ngân	21.04.92	Nữ	Thanh Hóa	6.67		TB Khá	
234	7	Lưu Thị	Nhung	05.09.84	Nữ	Thanh Hóa	7.67		Khá	
235	8	Nguyễn Thị	Nhung	02.05.89	Nữ	Thanh Hóa	7.28		Khá	
236	9	Trương Hồng	Nhung	05.12.89	Nữ	Thanh Hóa	6.63		TB Khá	

15

237	10	Hoàng Đức	Toàn	10.06.86	Nam	Thanh Hóa	6.94		TB Khá	
	2	Đại học Sư phạm Tiếng Anh: K19B, K20A, A2								
238	1	Nguyễn Hồng	Cường	02.09.78	Nam	Thanh Hóa	7.18	2.90	Khá	
239	2	Dương Tiến	Trung	26.07.85	Nam	Thanh Hóa	7.32	2.97	Khá	
240	3	Nguyễn Thị	Tâm	20.12.83	Nữ	Thanh Hóa	7.46	3.05	Khá	
241	4	Cao Thị	Tâm	12.04.82	Nữ	Thanh Hóa	7.52	3.09	Khá	
242	5	Trịnh Tiến	Dũng	08.09.90	Nam	Thanh Hóa	7.49	3.10	Khá	
243	6	Nguyễn Thị	Hoa	11.11.81	Nữ	Thanh Hóa	7.62	3.17	Khá	
244	7	Lê Thị Như	Quỳnh	27.05.94	Nữ	Thanh Hóa	7.66	3.18	Khá	
245	8	Trần	Hùng	17.06.79	Nam	Thanh Hóa	7.66	3.21	Giỏi	
246	9	Cao Thị	Lan	06.08.82	Nữ	Thanh Hóa	7.74	3.25	Giỏi	
247	10	Mai Xuân	Thắm	16.02.79	Nam	Thanh Hóa	7.83	3.31	Giỏi	
248	11	Lê Thị	Hằng	14.04.85	Nữ	Thanh Hóa	7.87	3.32	Giỏi	
249	12	Mạc Lương	Thao	11.07.89	Nam	Thanh Hóa	7.87	3.33	Giỏi	
250	13	Lê Thị Minh	Trang	21.01.92	Nữ	Thanh Hóa	7.84	3.33	Giỏi	
251	14	Chu Văn	Biên	02.12.70	Nam	Thanh Hóa	7.90	3.34	Giỏi	
252	15	Lê Văn	Đông	16.04.75	Nam	Thanh Hóa	7.87	3.36	Giỏi	
253	16	Nguyễn Thị Hà	Linh	03.12.92	Nữ	Thanh Hóa	7.91	3.36	Giỏi	
254	17	Lưu Thị Thanh	Thùy	15.02.89	Nữ	Thanh Hóa	8.03	3.45	Giỏi	
255	18	Trịnh Tố	Anh	26.02.89	Nữ	Thanh Hóa	7.74		Khá	
256	19	Đàm Thị Ngọc	Anh	02.06.90	Nữ	Thanh Hóa	7.79		Khá	
257	20	Lò Thị	Chuyên	09.09.90	Nữ	Thanh Hóa	7.44		Khá	
258	21	Trương Văn	Dũng	03.06.86	Nam	Thanh Hóa	6.98		TB Khá	
259	22	Lê Thị	Hòa	15.04.84	Nữ	Thanh Hóa	7.78		Khá	
260	23	Nguyễn Thanh	Sơn	19.09.76	Nam	Thanh Hóa	8.02		Giỏi	
261	24	Lê Thị	Thơ	02.07.86	Nữ	Thanh Hóa	7.52		Khá	
262	25	Trần Thu	Trang	15.04.93	Nữ	Thanh Hóa	7.90		Khá	
	III	Liên thông từ Cao đẳng								
	1	Đại học Giáo dục Mầm non: K19B								
263	1	Lê Thị	Ân	13.07.81	Nữ	Thanh Hóa	7.22		Khá	
264	2	Nguyễn Thị Mai	Anh	20.11.80	Nữ	Thanh Hóa	7.34		Khá	
265	3	Nguyễn Thị	Điệp	27.08.90	Nữ	Ninh Bình	7.79		Khá	
266	4	Tô Thị	Hà	24.11.95	Nữ	Thanh Hóa	7.49		Khá	
267	5	Phạm Thị	Hà	04.02.93	Nữ	Thanh Hóa	7.87		Khá	
268	6	Lê Thị	Hạnh	21.08.90	Nữ	Thanh Hóa	7.60		Khá	
269	7	Nguyễn Thị	Hảo	08.10.90	Nữ	Thanh Hóa	7.89		Khá	
270	8	Trịnh Thị Thu	Hiền	22.08.91	Nữ	Thanh Hóa	8.02		Giỏi	
271	9	Hà Thị	Hoài	17.05.91	Nữ	Thanh Hóa	8.02		Giỏi	
272	10	Phạm Thị	Huế	27.08.86	Nữ	Thanh Hóa	7.56		Khá	
273	11	Nguyễn Thị	Hương	03.01.95	Nữ	Thanh Hóa	7.17		Khá	
274	12	Nguyễn Thị	Huyền	24.04.83	Nữ	Thanh Hóa	6.95		TB Khá	
275	13	Trương Thị	Lan	19.10.95	Nữ	Thanh Hóa	7.35		Khá	
276	14	Lê Thị	Lệ	02.05.81	Nữ	Thanh Hóa	7.24		Khá	
277	15	Lê Thị	Linh	27.10.95	Nữ	Thanh Hóa	7.44		Khá	
278	16	Lê Thị	Mai	03.06.91	Nữ	Thanh Hóa	7.15		Khá	
279	17	Đinh Thị	Quế	12.02.91	Nữ	Thanh Hóa	7.51		Khá	
280	18	Nguyễn Thị	Thành	06.03.81	Nữ	Thanh Hóa	7.56		Khá	
281	19	Nguyễn Thị Thu	Thảo	18.10.95	Nữ	Thanh Hóa	7.32		Khá	
282	20	Nguyễn Thị	Thu	12.08.95	Nữ	Thanh Hóa	7.84		Khá	
283	21	Nguyễn Thị	Thủy	18.04.90	Nữ	Thanh Hóa	7.19		Khá	
284	22	Lê Thị	Trang	24.10.94	Nữ	Thanh Hóa	7.11		Khá	
285	23	Viên Thị	Tuyết	04.03.86	Nữ	Thanh Hóa	7.91		Khá	
286	24	Hoàng Thị	Yến	05.04.95	Nữ	Thanh Hóa	7.52		Khá	

	2	Đại học Sư phạm Tiếng Anh: K19A,B							
287	1	Tô Thị Hương	Giang	10.10.79	Nữ	Thanh Hóa	7.03		Khá
288	2	Trương Thị	Lan	10.10.79	Nữ	Thanh Hóa	7.43		Khá
289	3	Hoàng Thị	Nhung	01.11.91	Nữ	Thanh Hóa	7.52		Khá
290	4	Ly Ly	Pó	10.02.85	Nam	Thanh Hóa	6.46		TB Khá
291	5	Trương Thị	Thu	03.03.85	Nữ	Thanh Hóa	6.94		TB Khá
292	6	Lê Thị	Sâm	15.01.80	Nữ	Thanh Hóa	6.05		TB Khá
	3	Đại học Nông học: K19B							
293	1	Lê Thị	Hợp	02.01.89	Nữ	Thanh Hóa	7.37		Khá
294	2	Trần Văn	Hùng	25.10.76	Nam	Thanh Hóa	6.89		TB Khá
295	3	Cao Tiến	Lê	02.09.83	Nam	Thanh Hóa	6.57		TB Khá
296	4	Hà Văn	Thân	10.10.80	Nam	Thanh Hóa	6.06		TB Khá
297	5	Nguyễn Đức	Thanh	16.08.67	Nam	Thanh Hóa	7.13		Khá
298	6	Hoàng Thị	Thảo	29.04.79	Nữ	Thanh Hóa	6.76		TB Khá
299	7	Vũ Văn	Thơm	23.07.67	Nam	Thanh Hóa	6.70		TB Khá
300	8	Vũ Đình	Thơm	26.05.68	Nam	Thanh Hóa	6.44		TB Khá
	4	Đại học Kế toán: K18A, K19A							
301	1	Hoàng Thị	Lê	09.05.89	Nữ	Thanh Hóa	6.59		TB Khá
302	2	Lê Thị	Thu	20.07.85	Nữ	Thanh Hóa	6.21		TB Khá
303	3	Lê Thị	Hằng	21.04.91	Nữ	Thanh Hóa	6.72		TB Khá
	5	Đại học Sư phạm Toán: K19B							
304	1	Vĩ Anh	Dũng	14.12.87	Nam	Thanh Hóa	6.78		TB Khá
305	2	Nguyễn Thị	Hường	26.11.82	Nữ	Thanh Hóa	7.65		Khá
306	3	Nguyễn Ngọc	Hưng	27.09.92	Nam	Thanh Hóa	6.91		TB Khá
307	4	Đoàn Thị	Lý	06.01.71	Nữ	Thanh Hóa	6.46		TB Khá
	6	Đại học Sư phạm Hóa: K19B							
308	1	Nguyễn Thị Chân	Tĩnh	10.05.90	Nữ	Thanh Hóa	7.03		Khá
	IV	Liên thông từ Trung cấp							
	1	Đại học Giáo dục Mầm non: K19A, K18A,B							
309	1	Hà Thị	Diệp	01.03.83	Nữ	Thanh Hóa	7.26		Khá
310	2	Lục Thị	Thúy	29.09.85	Nữ	Thanh Hóa	7.16		Khá
311	3	Lò Thị	Trang	18.04.87	Nữ	Thanh Hóa	7.24		Khá
312	4	Trịnh Thị Ngọc	Bích	20.02.83	Nữ	Thanh Hóa	7.43		Khá
313	5	Phạm Thị	Bình	10.10.85	Nữ	Thanh Hóa	7.29		Khá
314	6	Trần Thị	Diệu	10.11.93	Nữ	Thanh Hóa	7.42		Khá
315	7	Đỗ Thị	Dung	19.05.94	Nữ	Thanh Hóa	7.16		Khá
316	8	Trương Thị	Gia	13.04.89	Nữ	Thanh Hóa	7.36		Khá
317	9	Trương Thị	Hà	04.02.86	Nữ	Thanh Hóa	7.42		Khá
318	10	Vĩ Thị	Hà	21.11.82	Nữ	Thanh Hóa	7.23		Khá
319	11	Lê Thị	Hải	09.02.70	Nữ	Thanh Hóa	7.17		Khá
320	12	Lê Thị	Hải	25.08.94	Nữ	Thanh Hóa	7.27		Khá
321	13	Nguyễn Thị Thanh	Hằng	09.10.94	Nữ	Thanh Hóa	7.14		Khá
322	14	Lê Thị	Hạnh	24.10.83	Nữ	Thanh Hóa	7.70		Khá
323	15	Lê Thị	Hạnh	25.08.94	Nữ	Thanh Hóa	7.48		Khá
324	16	Phạm Thị	Hạnh	02.04.93	Nữ	Thanh Hóa	7.06		Khá
325	17	Lê Thị	Hoa	05.08.92	Nữ	Thanh Hóa	6.98		TB Khá
326	18	Mai Thị	Hồng	21.03.91	Nữ	Thanh Hóa	7.55		Khá
327	19	Vũ Thị	Huệ	06.04.87	Nữ	Thanh Hóa	7.39		Khá
328	20	Phùng Thị	Hương	26.09.82	Nữ	Thanh Hóa	7.54		Khá
329	21	Đặng Lan	Hương	01.09.88	Nữ	Thanh Hóa	7.15		Khá
330	22	Hoàng Thị	Hương	10.07.90	Nữ	Thanh Hóa	7.64		Khá
331	23	Nguyễn Thị	Hương	26.06.94	Nữ	Thanh Hóa	7.73		Khá
332	24	Phạm Thị	Hường	08.09.89	Nữ	Thanh Hóa	6.92		TB Khá

333	25	Tổng Thị	Huyền	10.10.86	Nữ	Thanh Hóa	7.62		Khá	
334	26	Nguyễn Thị	Huyền	22.05.94	Nữ	Thanh Hóa	7.26		Khá	
335	27	Lường Thị	Khuyến	27.07.88	Nữ	Son La	7.08		Khá	
336	28	Phạm Thị	Kim	10.06.86	Nữ	Thanh Hóa	7.65		Khá	
337	29	Nguyễn Thị	Liên	07.02.90	Nữ	Thanh Hóa	7.25		Khá	
338	30	Nguyễn Thị	Liên	06.08.94	Nữ	Thanh Hóa	7.37		Khá	
339	31	Trương Thị	Liên	03.01.94	Nữ	Thanh Hóa	7.89		Khá	
340	32	Tổng Thị	Liên	06.04.88	Nữ	Thanh Hóa	7.12		Khá	
341	33	Trần Thị	Ly	25.02.93	Nữ	Thanh Hóa	7.67		Khá	
342	34	Phạm Thị	Lý	18.10.85	Nữ	Thanh Hóa	7.73		Khá	
343	35	Nguyễn Thị	Minh	26.12.85	Nữ	Thanh Hóa	7.26		Khá	
344	36	Phạm Thị	Ngoan	20.10.82	Nữ	Thanh Hóa	7.37		Khá	
345	37	Lê Thị	Ngọc	22.02.90	Nữ	Thanh Hóa	7.09		Khá	
346	38	Trịnh Thị Ánh	Nguyệt	20.02.85	Nữ	Thanh Hóa	7.33		Khá	
347	39	Lã Thị Minh	Nguyệt	04.04.94	Nữ	Thanh Hóa	7.70		Khá	
348	40	Vũ Thị	Nhung	10.09.92	Nữ	Thanh Hóa	7.17		Khá	
349	41	Lê Thị	Oanh	10.06.94	Nữ	Thanh Hóa	7.36		Khá	
350	42	Cao Thị	Phượng	10.02.85	Nữ	Thanh Hóa	8.08		Giỏi	
351	43	Nguyễn Thị	Phượng	02.02.92	Nữ	Thanh Hóa	7.51		Khá	
352	44	Phạm Thị	Tâm	08.10.89	Nữ	Thanh Hóa	7.95		Khá	
353	45	Lê Thị	Thắm	10.06.87	Nữ	Thanh Hóa	7.50		Khá	
354	46	Nguyễn Thị	Thanh	08.09.70	Nữ	Thanh Hóa	7.26		Khá	
355	47	Lê Thị	Thảo	28.12.88	Nữ	Thanh Hóa	7.43		Khá	
356	48	Lê Thị	Thảo	02.05.86	Nữ	Thanh Hóa	7.48		Khá	
357	49	Nguyễn Thị	Thu	19.05.94	Nữ	Thanh Hóa	7.04		Khá	
358	50	Nguyễn Thị Minh	Thu	27.09.94	Nữ	Thanh Hóa	8.02		Giỏi	
359	51	Trịnh Thị	Thúy	20.06.93	Nữ	Thanh Hóa	7.83		Khá	
360	52	Lê Thị	Thùy	03.01.93	Nữ	Thanh Hóa	7.89		Khá	
361	53	Lê Thanh	Thủy	14.02.91	Nữ	Thanh Hóa	7.38		Khá	
362	54	Lê Thị	Thủy	25.05.88	Nữ	Thanh Hóa	7.36		Khá	
363	55	Lê Thị	Tinh	20.05.81	Nữ	Thanh Hóa	7.15		Khá	
364	56	Đàm Thùy	Trang	12.01.89	Nữ	Thanh Hóa	7.48		Khá	
365	57	Phạm Thị Huyền	Trang	12.05.94	Nữ	Thanh Hóa	7.84		Khá	
366	58	Trình Thị	Trang	23.07.90	Nữ	Thanh Hóa	7.05		Khá	
367	59	Hà Thị	Tuyền	28.04.84	Nữ	Thanh Hóa	7.57		Khá	
368	60	Văn Thị	Vân	26.12.93	Nữ	Thanh Hóa	7.67		Khá	
369	61	Lê Thị	Xuân	20.02.91	Nữ	Thanh Hóa	7.64		Khá	
370	62	Lê Thị Vân	Anh	20.03.86	Nữ	Thanh Hóa	7.08		Khá	
371	63	Nguyễn Thị Ngọc	Anh	23.11.91	Nữ	Thanh Hóa	7.48		Khá	
372	64	Nguyễn Thị	Bích	24.05.94	Nữ	Thanh Hóa	7.39		Khá	
373	65	Lưu Thị	Đào	15.06.90	Nữ	Thanh Hóa	7.30		Khá	
374	66	Nguyễn Thị	Dung	07.01.86	Nữ	Thanh Hóa	7.39		Khá	
375	67	Lê Thị	Dung	05.08.92	Nữ	Thanh Hóa	7.61		Khá	
376	68	Lưu Thị	Duyên	16.11.92	Nữ	Thanh Hóa	7.61		Khá	
377	69	Lê Thị Hương	Giang	31.03.92	Nữ	Thanh Hóa	7.56		Khá	
378	70	Dương Thị	Hà	20.10.87	Nữ	Thanh Hóa	7.70		Khá	
379	71	Hoàng Thị	Hằng	19.06.86	Nữ	Thanh Hóa	7.87		Khá	
380	72	Ngô Thị	Hiệu	06.07.87	Nữ	Thanh Hóa	7.72		Khá	
381	73	Nguyễn Thị	Hương	18.02.92	Nữ	Thanh Hóa	6.96		TB Khá	
382	74	Trịnh Thị	Hương	06.01.85	Nữ	Thanh Hóa	7.38		Khá	
383	75	Lê Thị	Huyền	10.08.88	Nữ	Thanh Hóa	7.36		Khá	
384	76	Quách Mỹ	Lệ	05.07.94	Nữ	Thanh Hóa	6.97		TB Khá	
385	77	Lê Thị	Liên	20.10.82	Nữ	Thanh Hóa	7.59		Khá	

15

386	78	Ngô Thị	Liên	20.08.88	Nữ	Thanh Hóa	7.43		Khá	
387	79	Lê Thị	Linh	13.08.94	Nữ	Thanh Hóa	7.48		Khá	
388	80	Tô Thị	Lương	13.10.94	Nữ	Thanh Hóa	7.61		Khá	
389	81	Bùi Thị	Ngọc	26.03.95	Nữ	Thanh Hóa	7.16		Khá	
390	82	Dương Thị	Ngọc	01.05.91	Nữ	Thanh Hóa	7.75		Khá	
391	83	Lê Thị	Nhung	16.05.94	Nữ	Thanh Hóa	7.34		Khá	
392	84	Đoàn Thị	Phượng	10.02.89	Nữ	Thanh Hóa	6.89		TB Khá	
393	85	Nguyễn Thị	Quỳnh	15.01.91	Nữ	Thanh Hóa	7.56		Khá	
394	86	Lê Thị	Tâm	28.11.95	Nữ	Thanh Hóa	7.72		Khá	
395	87	Lê Thị	Thanh	28.02.80	Nữ	Thanh Hóa	7.41		Khá	
396	88	Đầu Thị	Thuận	12.06.86	Nữ	Thanh Hóa	7.30		Khá	
397	89	Lê Thị	Thương	11.10.93	Nữ	Thanh Hóa	7.22		Khá	
398	90	Trần Thị	Thúy	08.08.89	Nữ	Thanh Hóa	7.32		Khá	
399	91	Lê Thị	Thủy	15.05.85	Nữ	Thanh Hóa	7.53		Khá	
400	92	Nguyễn Thị	Thủy	28.08.87	Nữ	Thanh Hóa	7.43		Khá	
401	93	Phạm Thùy	Trang	20.12.93	Nữ	Thanh Hóa	7.24		Khá	
402	94	Nguyễn Thị	Trang	23.07.93	Nữ	Thanh Hóa	7.46		Khá	
403	95	Nguyễn Thị	Vân	15.10.72	Nữ	Thanh Hóa	7.59		Khá	
	2	Đại học Kế toán: K17B, K18A								
404	1	Đoàn Thị	Dung	21.01.79	Nữ	Thanh Hóa	6.79		TB Khá	
405	2	Lê Thị	Hiền	18.12.93	Nữ	Thanh Hóa	6.67		TB Khá	
406	3	Lê Thị	Hòa	08.08.88	Nữ	Thanh Hóa	6.61		TB Khá	
407	4	Trần Thị Minh	Hồng	11.06.94	Nữ	Thanh Hóa	6.41		TB Khá	
408	5	Vũ Thị	Hợp	20.10.93	Nữ	Thanh Hóa	6.64		TB Khá	
409	6	Dư Thị Hà	My	24.07.94	Nữ	Thanh Hóa	6.34		TB Khá	
410	7	Lê Bá	Nam	30.07.93	Nam	Thanh Hóa	6.18		TB Khá	
411	8	Nguyễn Thị	Phương	10.07.92	Nữ	Thanh Hóa	6.52		TB Khá	
412	9	Lê Thị Lan	Phương	10.05.84	Nữ	Thanh Hóa	6.42		TB Khá	
413	10	Trịnh Thị	Thảo	07.09.85	Nữ	Thanh Hóa	6.47		TB Khá	
414	11	Lê Thị	Thu	02.09.81	Nữ	Thanh Hóa	6.40		TB Khá	
415	12	Lê Thị	Thu	20.12.84	Nữ	Thanh Hóa	6.67		TB Khá	
416	13	Nguyễn Đình	Tiến	28.02.86	Nam	Thanh Hóa	6.44		TB Khá	
417	14	Nguyễn Thị	Trang	05.06.92	Nữ	Thanh Hóa	6.54		TB Khá	

(Ấn định danh sách gồm 417 sinh viên)

- Ghi chú:**
- Xếp loại Xuất sắc: 03 sinh viên (0.72%)
 - Xếp loại Giỏi: 71 sinh viên (17.03%)
 - Xếp loại Khá: 251 sinh viên (60.19%)
 - Xếp loại TB Khá : 89 sinh viên (21.34%)
 - Xếp loại Trung bình 03 sinh viên (0.72%)

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG
ĐẠI HỌC
HỒNG ĐỨC
Hoàng Nam

